

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRĂNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:13/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 08-5-2020.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRĂNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Như Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Đức;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 776/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh E. (Nay là ấp B, xã CC, thị xã D, tỉnh E) - Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh E. (Nay là ấp B, xã CC, thị xã D, tỉnh E) –vắng mặt được triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày: Chị và anh T tự chung sống nhau vào năm 2000, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện D, tỉnh E. (Nay là xã CC, thị xã D, tỉnh E) vào ngày 21-11-2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng cất nhà ra riêng trên đất của bên chồng tại ấp B, xã C, huyện D, tỉnh E. (Nay là ấp B, xã CC, thị xã D, tỉnh E) sống. Vợ chồng chung sống đến tháng 3-2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mất hạnh phúc do chồng không chăm lo cho cuộc sống gia đình chỉ uống rượu về kiếm chuyện với chị, không chịu được nên chị bỏ về nhà di của chị sống và nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Trăng Bàng. Đến khi Tòa án tiến hành xét xử thì anh T năn nỉ nên chị không đến tham gia phiên tòa và Tòa án

đình chỉ giải quyết vụ án. Sau đó, chị có về sống với anh T đến tháng 3-2018 nhưng anh T vẫn không thay đổi nên chị tiếp tục nộp đơn xin ly hôn lần hai. Nhưng lúc đó do con trai lớn của chị đi theo cô ruột làm việc ở Malaysia nên chị lại xin rút đơn khởi kiện. Từ đó đến nay chị và anh T không thể hòa giải và cũng không chung sống với nhau được. Từ tháng 5-2018 chị đã cất nhà sống riêng đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 07-8-2001; Nguyễn Kim U, sinh ngày 26-8-2014; hiện nay cháu H đã trưởng thành và đang đi làm tại Malaysia, cháu U đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn, cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, về cháu U chị yêu cầu được nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có xây được 01 căn nhà trên đất của bên chồng tại ấp Phước Thành, xã Phước Lưu, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (Nay là ấp Phước Thành, xã Phước Bình, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh). Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung vợ chồng.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án: Tổng đạt thông báo thụ lý, triệu tập họp lệ để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh T đều cố tình vắng mặt không có lý do và không nộp văn bản ý kiến cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử H hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn thực hiện không đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần, gây khó khăn, kéo dài việc giải quyết vụ án.

2. Việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh T.
- Về con chung: Cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 07-8-2001 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Giao cháu Nguyễn Kim U, sinh ngày 26-8-2014 cho chị A được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận chị A không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập họp lệ anh T đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị A và anh T tự chung sống nhau vào năm 2000, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Lưu, huyện Trảng Bàng (nay là xã Phước Bình, thị xã Trảng Bàng) vào ngày 21-11-2003. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong thời gian chung sống chị A cho rằng anh T không chăm lo cho gia đình, anh thường xuyên uống rượu về gây gổ với chị. Do đó, chị bỏ đi và nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng. Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết thì anh T có năn nỉ chị quay về, chị đồng ý và quay lại sống với anh T. Đến tháng 3-2018 vợ chồng lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và chị lại nộp đơn xin ly hôn lần thứ hai. Tuy nhiên do lúc đó cháu H con của anh chị đang ở Malaysia nên chị xin rút lại đơn khởi kiện. Dù xin rút đơn khởi kiện nhưng chị và anh T lại không thể chung sống cùng nhau và từ tháng 5-2018 chị đã xây nhà sống riêng đến nay. Riêng anh T trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý, triệu tập họp lệ anh T để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh T đều cố tình vắng mặt không có lý do và không nộp văn bản ý kiến cho Tòa án; từ đó cho thấy anh T đã bỏ mặc cuộc hôn nhân của hai người, không có mong muốn được đoàn tụ. Xét mâu thuẫn giữa chị A và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị A yêu cầu ly hôn với anh T, nhận thấy có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 07-8-2001 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Cháu Nguyễn Kim U, sinh ngày 26-8-2014, hiện nay đang sống với chị A. Xét cháu U là bé gái, hiện đang sống cùng chị A và chị A cũng có nguyện vọng được nuôi con. Do đó, để đảm bảo điều kiện học tập và sinh hoạt phát triển của cháu Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao chị A được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu U là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị A không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị A đối với anh Nguyễn Thanh T. Chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung:

- Cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 07-8-2001 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

- Giao cháu Nguyễn Kim U, sinh ngày 26-8-2014 cho chị Nguyễn Thị A được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Ghi nhận chị A không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con;

- Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị A đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017801 ngày 23-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (Nay là chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng).(Chị A đã nộp đủ án phí).

5. Quyền kháng cáo: Chị A được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã Phước Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hà Như Thủy